

Nghị định số 68/2005/NĐ-CP ngày 20/5/2005 của Chính phủ
Về an toàn hoá chất

chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

nghị định

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về an toàn trong sản xuất (bao gồm các quá trình sản xuất, chế biến, sang chai, đóng gói), mua bán, vận chuyển, cất giữ, sử dụng, thu gom, tiêu huỷ và thải bỏ các hoá chất nguy hiểm.

2. Việc quản lý an toàn đối với chất phóng xạ, các chất ma tuý, chất hướng thần và tiền chất được quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hoá chất trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoá chất* là các nguyên tố hoá học và các hợp chất của chúng, tồn tại ở dạng tự nhiên hoặc được tạo ra trong các quá trình sản xuất, thông qua các phản ứng hoá học, quá trình chiết tách và tinh chế các hợp chất sẵn có trong thiên nhiên.

2. *Hoá chất nguy hiểm* là hoá chất độc và hoá chất có thể gây nổ, gây cháy, gây ăn mòn mạnh; ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của người và tài sản, gây hại cho động thực vật, môi trường và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc phòng.

3. *Hoá chất mới* là hoá chất lần đầu tiên đưa vào sử dụng tại Việt Nam.

4. *Ngưỡng định lượng hoá chất nguy hiểm* là giới hạn khối lượng hoặc nồng độ hoá chất mà nếu vượt quá giới hạn đó trong một không gian giới hạn có thể gây tử vong, gây tai biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ của con người trong môi trường đó.

5. *Hoạt động hoá chất* là việc thực hiện một hoặc một số công đoạn của quá trình sản xuất, mua bán, vận chuyển, cất giữ, sử dụng, thu gom, tiêu huỷ, thải bỏ hoá chất nguy hiểm và các hoạt động có liên quan khác.

6. *Chất thải nguy hại* là chất thải có chứa một hoặc nhiều hoá chất nguy hiểm hoặc các hoá chất mà khi tương tác với các chất khác có thể gây nguy hại tới môi trường, động thực vật và sức khoẻ con người.

7. *Rủi ro hoá chất* là khả năng xảy ra các tình huống có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của người và tài sản, gây hại cho động thực vật, môi trường và có thể gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội trong quá trình hoạt động hoá chất.

8. *Đánh giá rủi ro hoá chất* là quá trình xem xét, đánh giá mức độ tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố

hoá chất và khả năng áp dụng các giải pháp ngăn ngừa rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ, sử dụng, thu gom, tiêu huỷ và thải bỏ hoá chất.

Điều 4. Trách nhiệm đảm bảo an toàn trong hoạt động hoá chất

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hoá chất có trách nhiệm đảm bảo an toàn trong hoạt động hoá chất theo quy định của pháp luật tại cơ sở của mình và cho bản thân; áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa các tác động có thể làm ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ và tài sản của nhân dân, hệ sinh thái động thực vật; bảo vệ môi trường; đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Người lao động, học nghề, thực tập tại các cơ sở hoạt động hoá chất, trực tiếp tham gia vào công việc quản lý, sản xuất, mua bán, vận chuyển, cất giữ, sử dụng, thu gom, tiêu huỷ và thải bỏ các hoá chất nguy hiểm phải được huấn luyện để nắm vững các quy định của pháp luật có liên quan; hiểu biết về an toàn, về công nghệ, về bảo vệ sức khoẻ trong việc thực hiện nghề nghiệp đang làm; hiểu biết về quy trình khắc phục sự cố khẩn cấp; phải thông qua kiểm tra sát hạch về các nội dung trên trước khi được giao đảm nhiệm vị trí công tác và phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn lao động.

Chương II

Nhận dạng và khai báo hoá chất

Điều 5. Nhận dạng hoá chất nguy hiểm theo tên gọi

1. Hoá chất nguy hiểm được xác định theo tên gọi và theo các tiêu chuẩn quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy phạm quốc tế đã được Việt Nam công nhận.

2. Tên của hoá chất nguy hiểm được viết theo danh pháp quốc tế, công thức hoá học và phải dịch ra tên thường gọi bằng tiếng Việt (nếu có).

Điều 6. Khai báo hoá chất nguy hiểm

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất phải khai báo bằng văn bản với Sở quản lý chuyên ngành theo nhóm hoá chất nguy hiểm. Nội dung bản khai báo gồm: tên hoá chất, đặc tính cơ - hoá - lý, thành phần của hoá chất, nguồn gốc xuất xứ của hoá chất, khối lượng và mục đích thực hiện hoạt động hoá chất.

2. Các thông tin khai báo hoá chất phải bảo đảm kiểm tra đánh giá được mức độ nguy hiểm của hoá chất và khả năng thực hiện các biện pháp an toàn trong hoạt động hoá chất.

3. Hoá chất nguy hiểm được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học thuần túy thì được miễn khai báo.

4. Bộ Công nghiệp phối hợp các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thủ tục khai báo hoá chất nguy hiểm.

Điều 7. Đánh giá rủi ro hoá chất

1. Đánh giá rủi ro hoá chất phải được thực hiện đối với tất cả các hoá chất mới. Tổ chức, cá nhân trước khi đưa hoá chất mới vào lưu thông, sử dụng phải lập báo cáo đánh giá rủi ro hoá chất trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đưa vào danh mục trước khi triển khai các hoạt động hoá chất tiếp theo.

2. Tổ chức, cá nhân đưa vào sử dụng tại Việt Nam một loại hoá chất mới của nước ngoài phải có tài liệu đánh giá rủi ro hoá chất do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam xem xét và quyết định việc công nhận hoặc yêu cầu phải tổ chức đánh giá lại hoặc đánh giá bổ sung.

3. Bộ Công nghiệp hướng dẫn thủ tục và nội dung chi tiết báo cáo đánh giá rủi ro hoá chất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Phiếu an toàn hoá chất nguy hiểm

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu hoá chất nguy hiểm phải lập phiếu an toàn hoá chất khi giao hoá chất cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận. Phiếu an toàn hoá chất phải luôn đi kèm theo hoá chất đó trong

suốt quá trình lưu thông hoá chất.

2. Phiếu an toàn hoá chất phải bao gồm các thông tin sau đây:

- a) Tên hoá chất, xuất xứ; nơi sản xuất;
- b) Thành phần, công thức hoá học;
- c) Đặc tính hoá lý, tính độc;
- d) Tính ổn định và hoạt tính;
- đ) Mức độ nguy hiểm;
- e) Mức độ rủi ro đối với sức khoẻ;
- g) Mức độ rủi ro đối với môi trường;
- h) Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân;
- i) Biện pháp sơ cứu về mặt y tế khi cần thiết;
- k) Biện pháp xử lý khi có hoạ hoạn;
- l) Biện pháp ngăn ngừa rủi ro, ngăn ngừa tai nạn;
- m) Biện pháp cất giữ;
- n) Biện pháp quản lý chất thải;
- o) Các yêu cầu trong vận chuyển;
- p) Các tiêu chuẩn Việt Nam và quy định luật pháp phải tuân thủ;
- q) Các thông tin cần thiết khác.

Điều 9. Ghi nhãn hoá chất nguy hiểm

1. Nhãn sản phẩm đối với hoá chất nguy hiểm phải tuân thủ quy định về ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật và phải có biển cảnh báo nguy hiểm in lên mặt ngoài bao bì phù hợp với tính chất nguy hiểm của hoá chất chứa bên trong. Nhãn hoá chất nguy hiểm phải đảm bảo độ bền cơ học, hoá học trong suốt quá trình tồn tại của hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất phải cập nhật các quy định mới về mẫu nhãn, hình thức ghi nhãn đối với các hoá chất nguy hiểm theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với thay đổi theo Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 10. Quảng cáo hoá chất nguy hiểm

1. Việc quảng cáo cho sản phẩm là hoá chất phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động quảng cáo.

2. Quảng cáo cho sản phẩm là hoá chất nguy hiểm phải có nội dung cảnh báo về tính độc, mức độ nguy hiểm của hoá chất.

3. Cấm quảng cáo hoá chất thuộc danh mục hoá chất cấm kinh doanh đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Chương III

CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 11. Đảm bảo an toàn hoá chất từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư

1. Trước khi đầu tư một cơ sở sản xuất, cất giữ hoá chất nguy hiểm, không phân biệt dự án thuộc nhóm A, B hoặc C theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, chủ đầu tư phải xây dựng kế hoạch ngăn ngừa, khắc phục sự cố hoá chất trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 25 phê duyệt.

2. Kế hoạch ngăn ngừa, khắc phục sự cố hoá chất đối với một dự án phải ít nhất gồm các tài liệu và nội dung sau:

- a) Tóm tắt Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

b) Các chỉ số về đặc tính vật lý và hoá học của hoá chất ở dạng nguyên liệu, bán thành phẩm hoặc sản phẩm hoàn chỉnh như điểm bắt cháy, điểm tự bốc cháy, điểm chớp cháy, giới hạn nổ, độc tính;

c) Yêu cầu kỹ thuật về bao gói, bảo quản và vận chuyển;

d) Đánh giá về mức độ an toàn, khả năng xảy ra các sự cố hoá chất;

đ) Biện pháp xử lý khi có sự cố khẩn cấp.

3. Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ quản lý chuyên ngành theo nhóm hoá chất tổ chức Hội đồng đánh giá, thẩm định và quyết định phê duyệt kế hoạch ngăn ngừa, khắc phục sự cố hoá chất của cơ sở; trong trường hợp kế hoạch không được phê duyệt phải có công văn thông báo cho cơ sở lý do không phê duyệt

4. Sau khi kế hoạch ngăn ngừa, khắc phục sự cố hoá chất được phê duyệt, chủ đầu tư mới được phép thực hiện việc đầu tư.

5. Các quy định tại khoản 1 đến khoản 3 Điều này cũng được áp dụng cho các cơ sở sản xuất, cất giữ hoá chất nguy hiểm khi có kế hoạch cải tạo, mở rộng nhà xưởng để tăng quy mô sản xuất hoặc phạm vi hoạt động.

Điều 12. Khoảng cách an toàn

1. Trừ các trạm bán xăng dầu, khi đốt cho các phương tiện vận tải, khoảng cách cho các phương tiện vận tải, khoảng cách giữa các trang thiết bị của cơ sở sản xuất, cất giữ hoá chất nguy hiểm đến các vị trí và địa điểm sau đây phải đảm bảo khoảng cách an toàn để đạt ngưỡng định lượng hoá chất nguy hiểm:

a) Các điểm dân cư, các trung tâm thương mại, công viên hoặc các địa điểm đông dân khác;

b) Trường học, bệnh viện, rạp chiếu bóng, sân vận động hoặc các vị trí công cộng khác;

c) Các nguồn cung cấp nước, các nhà máy nước và các khu bảo tồn nguồn nước;

d) Nhà ga, bến cảng (trừ trường hợp được quy định là nhà ga, bến cảng chuyên dụng cho việc bốc dỡ hoá chất nguy hiểm), sân bay, đường giao thông thuỷ, bộ, đường sắt;

đ) Vùng trồng trọt được bảo vệ, vùng chăn thả súc vật, vùng nước đánh bắt, nuôi trồng, cơ sở chế biến thuỷ sản, trại giống;

e) Sông ngòi, hồ nước, cảnh quan và vùng thiên nhiên được bảo vệ;

g) Vùng quân sự;

h) Các vùng khác được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

2. Bộ quản lý chuyên ngành đối với các nhóm hoá chất quy định tại khoản 1 Điều 25 soát xét, xây dựng bổ sung các văn bản hướng dẫn, quy định khoảng cách an toàn giữa cơ sở hoạt động hoá chất với các địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong trường hợp các trang thiết bị của cơ sở sản xuất, cất giữ hoá chất nguy hiểm được lắp đặt, xây dựng không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tại địa phương có cơ sở vi phạm tiến hành kiểm tra, giám sát và có biện pháp yêu cầu cơ sở lập và thực hiện phương án thay đổi để đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này trong thời gian sớm nhất; trong trường hợp xét thấy có nguy cơ gây nguy hiểm cao thì áp dụng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn.

Điều 13. Điều kiện để cơ sở hoạt động hoá chất

Cơ sở sản xuất, cất giữ, vận chuyển hoá chất nguy hiểm thuộc nhóm hoá chất hạn chế kinh doanh phải có giấy phép theo quy định của pháp luật và phải duy trì các điều kiện để được cấp giấy phép trong quá trình hoạt động hoá chất.

Điều 14. Nghĩa vụ của cơ sở hoạt động hoá chất nguy hiểm

1. Cơ sở sản xuất, cất giữ, sử dụng hoá chất nguy hiểm căn cứ vào nhóm và đặc tính của hoá chất, phải lắp đặt các trang thiết bị giám sát an toàn, các trang thiết bị cần thiết làm giảm đặc tính nguy

hiểm của hoá chất như thông gió, điều chỉnh nhiệt độ, chống nắng, chống cháy, chống lửa, xả áp, phòng độc, tẩy uế, trung hoà, chống âm, chống sét, chống tĩnh điện, khử trùng, chống rò rỉ và phải thường xuyên bảo trì trang thiết bị đó, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn vận hành.

2. Cơ sở sản xuất, cất giữ, sử dụng hoá chất nguy hiểm phải trang bị đầy đủ hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống báo động và đảm bảo hệ thống làm việc ổn định.

3. Cơ sở sản xuất, cất giữ, sử dụng hoá chất có tính độc mạnh, hàng năm phải tổ chức đánh giá độ an toàn của các trang thiết bị tại cơ sở; cơ sở sản xuất, cất giữ, sử dụng các loại hoá chất nguy hiểm khác phải đánh giá độ an toàn của các trang thiết bị hai năm một lần.

Báo cáo kết quả đánh giá an toàn phải đề xuất được kế hoạch khắc phục, sửa chữa các hỏng hóc, thiếu sót về mặt an toàn đối với trang thiết bị tại cơ sở. Trong trường hợp phát hiện thấy có những biểu hiện nguy hiểm ở một thiết bị, phải đình chỉ ngay hoạt động của thiết bị đó để sửa chữa, thay thế và phải thực hiện những biện pháp đảm bảo an toàn theo quy định.

Báo cáo đánh giá an toàn phải gửi tới cơ quan quản lý chuyên ngành theo nhóm hoá chất.

4. Cơ sở sản xuất, cất giữ, sử dụng hoá chất có tính độc mạnh phải có sổ sách ghi chép đầy đủ hàng ngày các số liệu về xuất, nhập, cất giữ, sử dụng hoá chất độc và phải thực hiện các biện pháp cần thiết để tránh làm mất mát, bán nhảm, sử dụng nhầm các hoá chất có tính độc mạnh. Trường hợp phát hiện có mất mát, bán nhảm, sử dụng nhầm hoá chất có tính độc mạnh phải báo ngay cho công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở quản lý chuyên ngành theo nhóm hoá chất tại địa phương biết để tìm biện pháp ngăn ngừa các hậu quả có thể xảy ra.

5. Khi hoá chất nguy hiểm xuất xưởng, cơ sở sản xuất phải gắn, treo hoặc in lên mặt ngoài bao bì nhãn an toàn hoá chất phù hợp các quy định tại Điều 9, đồng thời phải có phiếu ghi chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm phù hợp với đặc tính nguy hiểm của hoá chất chứa bên trong.

6. Tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất phải thực hiện đúng theo hướng dẫn đã được ghi trên phiếu an toàn hoá chất và phiếu ghi các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.

Điều 15. Bao bì, thùng, bồn chứa hóa chất nguy hiểm

1. Bao bì, thùng, bồn chứa hoá chất nguy hiểm phải tuân thủ quy định của các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế được Việt Nam công nhận. Bao bì, thùng, bồn chứa hoá chất nguy hiểm phải kín, lành lặn, có ghi đầy đủ tên và biển cảnh báo nguy hiểm của hoá chất chứa trong đó.

2. Bao bì, thùng, bồn chứa hoá chất nguy hiểm phải được các doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất và được cơ quan do Bộ Công nghiệp chỉ định kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu về chất lượng. Đối với các loại thùng, bồn chứa hoá chất nguy hiểm được chế tạo tại nước ngoài, phải được kiểm định về chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam.

Bao bì, thùng, bồn chứa khi được sử dụng lại để chứa hoá chất nguy hiểm phải được kiểm tra, xử lý và phải có phiếu kiểm tra lưu lại trong thời gian ít nhất hai năm tại cơ sở.

3. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất đối với chất lượng bao bì, thùng chứa hoá chất nguy hiểm tại cơ sở sản xuất, cất giữ và sử dụng.

4. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp vì lý do bí mật về an ninh quốc phòng.

Điều 16. Cất giữ hoá chất nguy hiểm

1. Hóa chất nguy hiểm phải được bảo quản trong kho, thiết bị chứa chuyên dụng, do nhân viên có đủ trình độ được chỉ định quản lý. Hình thức, phương pháp cất giữ, số lượng cất giữ phải tuân thủ các quy phạm an toàn và các văn bản pháp luật có liên quan. Theo định kỳ, phải kiểm tra tình trạng hoá chất bảo quản trong kho.

2. Kho bảo quản, thiết bị chứa hoá chất nguy hiểm phải đáp ứng các quy định của quy phạm

pháp luật về an toàn, phòng chống cháy, nổ. Phải có bảng ghi những quy định và hướng dẫn biện pháp an toàn cho người làm việc trong kho; phải có biển báo nguy hiểm treo ở nơi dễ nhận thấy. Trang thiết bị chữa cháy và khắc phục các sự cố khác phải phù hợp với quy mô kho và tính chất của hoá chất, được để nơi thuận tiện và cố định, các trang thiết bị của kho phải được định kỳ kiểm tra đảm bảo an toàn.

3. Người ra vào kho chứa hoá chất nguy hiểm phải được kiểm tra và đăng ký và sổ.

4. Các loại hoá chất có tính độc mạnh và các hoá chất nguy hiểm khác nếu cùng được bảo quản chung mà có thể trở thành nguồn gây nguy hiểm mới hoặc làm tăng mức độ nguy hiểm thì phải bảo quản riêng rẽ các loại hoá chất này.

5. Vào giữa quý IV hàng năm, cơ sở cất giữ hoá chất phải lập báo cáo về số lượng hoá chất được bảo quản, địa điểm bảo quản, nhân viên quản lý và các vấn đề có liên quan đến quản lý an toàn hoá chất, gửi Sở quản lý chuyên ngành tại địa phương.

Điều 17. Tiêu huỷ và thải bỏ hoá chất nguy hiểm

1. Việc tiêu huỷ, thải bỏ, xử lý hoá chất nguy hiểm, bao bì chứa hoá chất nguy hiểm, hoá chất tồn đọng quá hạn sử dụng, chất độc hoá học do chiến tranh để lại phải thực hiện theo đúng các quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trường hợp có thay đổi lĩnh vực hoạt động hoặc ngừng hoạt động, cơ sở sản xuất, cất giữ, sử dụng hoá chất nguy hiểm phải lập phương án và triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các trang thiết bị sản xuất, thiết bị bảo quản, các sản phẩm được cất giữ, nguyên liệu thô và phải có báo cáo chi tiết về quá trình xử lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở quản lý chuyên ngành theo nhóm hoá chất tại địa phương. Báo cáo phải xác định rõ các nguy cơ tiềm tàng có thể dẫn tới sự cố hoá chất.

Điều 18. Xếp dỡ và vận chuyển hoá chất nguy hiểm

1. Việc xếp dỡ, vận chuyển hoá chất nguy hiểm phải tuân theo các quy phạm kỹ thuật an toàn trong xếp dỡ, vận chuyển hàng nguy hiểm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển và đường không.

2. Khi thuê vận chuyển hoá chất nguy hiểm, chủ hàng phải thông báo rõ cho cơ sở vận tải biết về tên, số lượng, tính độc hại của hoá chất, các biện pháp khẩn cấp nếu xảy ra sự cố và các thông tin cần thiết có liên quan khác. Trường hợp cần phải có các chất hạn chế hoạt tính hay chất làm ổn định trong quá trình vận chuyển, chủ hàng phải cấp đầy đủ các chất đó và phải thông báo cho cơ sở vận chuyển biết rõ về yêu cầu đó. Chủ hàng không được bí mật gửi hoá chất nguy hiểm vận chuyển kèm với các loại hàng thông dụng khác hoặc cố tình thông báo sai lệch, khai báo hoá chất nguy hiểm dưới dạng một loại hàng hoá thông dụng khác.

3. Khi vận chuyển hoá chất nguy hiểm, chủ hàng phải có nhân viên áp tải. Nhân viên áp tải có trách nhiệm theo dõi, kiểm soát hàng trong suốt quá trình vận chuyển. Người điều khiển phương tiện vận chuyển, nhân viên xếp dỡ, nhân viên áp tải phải biết rõ tính chất nguy hiểm của hoá chất được vận chuyển, đặc tính sử dụng của bao bì và thùng chứa, biện pháp an toàn đề phòng và giải quyết sự cố. Nhân viên vận chuyển và áp tải phải trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và xử lý sự cố.

4. Hoá chất nguy hiểm khi chuyên chở phải được bao gói theo đúng yêu cầu kỹ thuật an toàn. Thùng, bồn chứa phải có khả năng chịu được sức ép bên ngoài và áp suất bên trong tạo ra trong điều kiện vận tải bình thường, đảm bảo cho hoá chất không bị rò rỉ, không bị tràn ra ngoài hoặc gây ra các rủi ro khác do thay đổi điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, áp suất trong khi vận chuyển. Bình chứa hoá chất bằng thủy tinh hoặc các bình chịu áp lực phải có biện pháp chống xô đẩy, va đập. Cấm vận chuyển hoá chất nguy hiểm chung với người, gia súc và các loại hàng hoá khác, trừ nhân viên vận chuyển, nhân viên áp tải.

5. Trường hợp xảy ra mất mát, bị tràn hay rò rỉ hoá chất có tính độc mạnh trong quá trình vận chuyển hoặc tại nơi xếp dỡ, nhân viên vận chuyển và áp tải hàng hoặc cơ sở nơi xảy ra sự cố phải thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn chặn khả năng xảy ra các rủi ro hoá chất; đồng thời phải báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi xảy ra sự cố

biết và phải tổ chức cách ly hiện trường. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành liên quan, cử cán bộ chuyên môn đến xem xét, xử lý triệt để tác hại do sự cố gây ra tại hiện trường.

Cơ sở hoạt động hoá chất để xảy ra sự cố có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nêu trên để xử lý triệt để các hậu quả do sự cố gây ra, đồng thời phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

6. Cấm mọi tổ chức, cá nhân gửi hoá chất nguy hiểm bằng đường bưu điện. Cấm các hành vi giấu giếm, không khai báo hoá chất nguy hiểm có trong các bưu phẩm hoặc khai báo sai, khai báo hoá chất nguy hiểm dưới dạng một vật phẩm bình thường gửi bưu điện.

Điều 19. Nhân viên xếp dỡ, vận chuyển, áp tải

1. Cơ sở vận tải và chủ hàng hoá chất nguy hiểm phải tổ chức đào tạo cho người điều khiển phương tiện vận chuyển, người quản lý và nhân viên xếp dỡ, nhân viên áp tải hàng nắm vững các kiến thức cơ bản về an toàn trong vận chuyển hoá chất nguy hiểm.

2. Người điều khiển phương tiện vận tải, người quản lý, nhân viên xếp dỡ, nhân viên áp tải hoá chất nguy hiểm phải được sát hạch những kiến thức cơ bản về an toàn. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đạt yêu cầu qua sát hạch, người điều khiển phương tiện vận tải, người quản lý, nhân viên xếp dỡ, nhân viên áp tải hoá chất nguy hiểm mới được giao làm việc ở vị trí công tác được đào tạo.

3. Khi vận chuyển hoá chất nguy hiểm, người vận chuyển, người áp tải cần tránh những khu đông dân cư và phải biết rõ các địa chỉ phải khai báo khi xảy ra các sự cố trên đường vận chuyển theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Nghị định này.

Điều 20. Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất nguy hiểm

1. Tổ chức, cá nhân mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất nguy hiểm thuộc danh mục các hoá chất hạn chế kinh doanh phải có giấy phép do Bộ quản lý chuyên ngành cấp. Trong quá trình xem xét hồ sơ và cấp giấy phép, Bộ quản lý chuyên ngành phải tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân không được phép thực hiện các hành vi sau:

a) Mua hoá chất nguy hiểm thuộc danh mục các hoá chất hạn chế kinh doanh của cơ sở không có giấy phép sản xuất, chế biến hoá chất nguy hiểm;

b) Bán các loại hoá chất nguy hiểm mà không kèm theo phiếu an toàn hoá chất, phiếu ghi chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm;

c) Bán hoá chất nguy hiểm cho tổ chức, cá nhân không được phép chế biến, sử dụng hoá chất;

d) Mua hoá chất có tính độc cao cho nhu cầu cá nhân. Bán hoá chất có tính độc cao cho cá nhân hay cơ sở không có giấy chứng nhận do công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

đ) Làm giả, tự ý sửa đổi, mua bán, chuyển nhượng giấy chứng nhận cam kết, giấy mua hoá chất có tính độc cao.

3. Cửa hàng bán hoá chất được phép kinh doanh hoá chất nguy hiểm chỉ được phép cất giữ số lượng nhỏ đủ để mua bán trong ngày.

4. Khi bán các hoá chất có tính độc cao cho khách hàng, cơ sở mua bán hoá chất phải ghi lại và lưu giữ trong thời gian ít nhất một năm tên, địa chỉ của người mua, của cơ sở mua cũng như số lượng và mục đích sử dụng của người mua. Cơ sở chế biến hoá chất có tính độc cao phải kiểm tra số lượng bán ra hàng ngày. Trường hợp phát hiện có hiện tượng mất mát, bán nhầm hoá chất có tính độc cao phải báo ngay cho cơ quan công an gần nhất biết, đồng thời tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm hợp tác với công an và cơ quan có liên quan giải quyết để tránh hậu quả có thể xảy ra.

5. Cơ sở sản xuất, cơ quan nghiên cứu khoa học, y tế và các cơ sở khác khi có nhu cầu sử dụng thường xuyên các loại hoá chất độc cao phải xin cấp giấy chứng nhận được sử dụng hoá chất tại công

an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua đột xuất hoá chất có tính độc cao, không có trong danh mục hoá chất đã cam kết phải xin phép Công an nơi đăng ký cam kết, thông báo rõ mục đích, tên, số lượng, công dụng của hoá chất cần mua đột xuất.

Bộ Công an quy định hình thức, nội dung và thủ tục cấp, thu hồi giấy chứng nhận sử dụng hoá chất có tính độc cao.

Điều 21. An toàn hoá chất trong phòng thí nghiệm

1. Phòng thí nghiệm hoá chất phải có nội quy an toàn phòng thí nghiệm. Bản nội quy an toàn phải được đặt ở vị trí dễ thấy.

2. Phòng thí nghiệm phải được trang bị các phương tiện, trang thiết bị bảo hộ phù hợp với tính chất nguy hiểm của hoá chất và tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn phòng thí nghiệm.

3. Nhân viên phòng thí nghiệm phải nắm rõ các đặc tính nguy hiểm của các hoá chất trong phòng thí nghiệm và nắm được các biện pháp phòng ngừa rủi ro và xử lý những sự cố bất thường có thể xảy ra trong phòng thí nghiệm.

Điều 22. Đình chỉ tạm thời hoạt động hoá chất nguy hiểm

1. Trường hợp phát hiện một loại hoá chất trong danh mục được phép lưu thông trên thị trường nhưng có biểu hiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tài sản của nhân dân, môi trường sinh thái hoặc an ninh - quốc phòng, Bộ quản lý chuyên ngành phải kịp thời ra quyết định đình chỉ tạm thời hoạt động hoá chất đối với loại hoá chất đó.

2. Sau khi ra quyết định đình chỉ tạm thời, Bộ quản lý chuyên ngành thông báo quyết định của mình đến Bộ Công nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công An và các cơ quan liên quan để thống nhất các biện pháp khẩn trương khắc phục rủi ro trong khi chờ nghiên cứu đánh giá rủi ro bổ sung và thực hiện các thủ tục điều chỉnh Danh mục hóa chất bị cấm.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN HÓA CHẤT

Điều 23. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn hoá chất

1. Ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn hoá chất.

2. Quy định tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy phạm an toàn áp dụng trong hoạt động hoá chất và các dịch vụ có liên quan.

3. Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ về an toàn hoá chất; tổ chức, chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch và đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật về an toàn hoá chất.

4. Tổ chức hệ thống thông tin về an toàn hoá chất.

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn hoá chất

6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn hoá chất; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về an toàn hoá chất.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn hoá chất.

Điều 24. Quản lý nhà nước về an toàn hóa chất

1. Chính phủ thống nhất quản lý về an toàn hóa chất trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Công nghiệp chịu trách nhiệm trước Chính Phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn hoá chất, có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo các hoạt động an toàn hóa chất trong phạm vi trách nhiệm của mình:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách về an toàn hoá chất; tổ chức,

hướng dẫn triển khai và kiểm tra quá trình thực hiện;

b) Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hoá chất;

c) Xây dựng, quản lý hệ thống dữ liệu về an toàn hoá chất trong phạm vi quản lý chuyên ngành;

d) Quy định, hướng dẫn nội dung và thủ tục đánh giá rủi ro hoá chất;

đ) Quy định, hướng dẫn lập phiếu an toàn hoá chất, khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, cất giữ hoá chất;

e) Phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ quy định điều kiện, hướng dẫn đánh giá cơ sở có đủ điều kiện hoạt động hoá chất; xây dựng tiêu chuẩn bao bì, thùng chứa, bồn chứa hoá chất; tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực an toàn hoá chất;

g) Phối hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn an toàn đối với các trang thiết bị trong hoạt động hoá chất;

h) Phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành quy định ngưỡng định lượng hoá chất nguy hiểm;

i) Phối hợp Bộ Thương mại xây dựng danh mục hoá chất thuộc nhóm sản phẩm hàng hóa hạn chế kinh doanh; quy định hướng dẫn ghi nhãn hoá chất;

k) Thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ cho phép nhập khẩu, sử dụng hoá chất thuộc danh mục cấm được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ phục vụ sản xuất công nghiệp;

l) Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, khắc phục sự cố hoá chất trong phạm vi cả nước; kiểm tra, thanh tra về an toàn hoá chất.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các nội dung quản lý nhà nước nêu tại Điều 23 Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn hoá chất tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thẩm quyền xây dựng danh mục các nhóm hoá chất nguy hiểm

1. Các Bộ quản lý chuyên ngành, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục chi tiết theo nhóm hoá chất nguy hiểm và ngưỡng định lượng hoá chất nguy hiểm theo quy định:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp Bộ Công nghiệp xây dựng danh mục hoá chất thuộc nhóm hoá chất độc và các sản phẩm có hoá chất độc, danh mục hoá chất cấm sản xuất kinh doanh;

b) Bộ Thương mại xây dựng danh mục xăng dầu, khí đốt;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng danh mục hoá chất dùng làm thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật;

d) Bộ Y tế xây dựng danh mục hoá chất dùng trong lĩnh vực y tế, hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng;

đ) Bộ Thủy sản xây dựng danh mục hoá chất sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản.

2. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi danh mục, các Bộ phải có văn bản sửa đổi, bổ sung và công bố danh mục mới.

Điều 26. Chế độ báo cáo

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất có trách nhiệm báo cáo về an toàn hoá chất tại đơn vị mình cho cơ quan quản lý chuyên ngành theo nhóm hoá chất quy định tại Nghị định này.

Mẫu báo cáo do Bộ Công nghiệp quy định.

2. Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp tình hình an toàn hàng năm gửi Bộ Công nghiệp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương V

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Kiểm tra, thanh tra hoá chất nguy hiểm

Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hoá chất đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hoá chất; kiến nghị xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về an toàn hoá chất.

Điều 28. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán, vận chuyển, cất giữ, sử dụng các loại hoá chất thuộc danh mục hàng hoá cấm kinh doanh, gây ra những sự cố hoá chất hoặc có các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn hoá chất thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất có thành tích trong công tác an toàn hoá chất thì được khen thưởng theo các quy định của Nhà nước.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định của pháp luật về việc quản lý an toàn trong sản xuất, buôn bán, vận chuyển, cất giữ, sử dụng, tiêu huỷ và thải bỏ các hoá chất; sách nhiễu hoặc có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo các quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Tm. chính phủ
Thủ tướng

Phan Văn Khải đã ký